TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19/4/2022.
V/v tranh chấp Ly hôn giữa chị Quách Thị Kim T và anh Nguyễn Văn G.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Yến
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Lứ
2. Bùi Thị Thiết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Hồng– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Quách Thị Kim T**, sinh năm 1984.
Nơi cư trú: xóm T, xã Th, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình -
Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1984.
Nơi cư trú: xóm T, xã Th, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình -
Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn chị Quách Thị Kim T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Văn G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày 22/12/2015. Đây là lần kết hôn thứ hai của cả chị T và anh G. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn. Sau đó vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm do anh G không chịu khó làm ăn, chơi cá độ bóng đá và bài bạc. Mâu thuẫn vợ chồng đã

được hai bên gia đình nội ngoại, chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải nhưng anh G không thay đổi tâm tính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc và hai người đã sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Anh G bỏ đi nơi khác làm ăn không còn quan tâm đến gia đình nữa. Nay chị Quách Thị Kim T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn G. Về con chung: Chị Quách Thị Kim T và anh Nguyễn Văn G có 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 10/9/2016 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 30/7/2021. Khi ly hôn chị T nhận trực tiếp nuôi dưỡng con thứ hai là Nguyễn Minh Đ do con còn nhỏ, còn anh G trực tiếp nuôi dưỡng con lớn là Nguyễn Phương N do cháu N muốn ở với bố, hiện nay cháu N đang ở với anh G. Chị T chưa yêu cầu anh G đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung vì mỗi bên có trách nhiệm nuôi 01 con chung. Hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng 1 con riêng và cháu Nguyễn Minh Đ. Về tài sản chung, chị Quách Thị Kim T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, chị T khai là không có.

Về phía anh Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh Nguyễn Văn G thể hiện anh G có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ chị T đã cung cấp nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú do đi làm ăn xa, không có chỗ ở ổn định nên không lấy được ý kiến của anh Nguyễn Văn G. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Về nợ chung của vợ chồng: chị Quách Thị Kim T và anh Nguyễn Văn G không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh Giáp, do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Quách Thị Kim T và anh Nguyễn Văn G có mâu thuẫn trầm trọng; đã sống ly thân và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về việc nuôi con, cần xem xét nguyện vọng và điều kiện sống của con, cháu Đ còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, cháu N cần giao cho anh G trực tiếp nuôi đưỡng để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản do chị T khai không có và không yêu cầu giải quyết, nợ chung của vợ chồng không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn G không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Nguyễn Văn G đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa

án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự cho anh Nguyễn Văn G. Do bị đơn là anh Nguyễn Văn G được triệu hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hơn nữa chị Tuyến là nguyên đơn trong vụ án cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Giáp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Quách Thị Kim T và anh Nguyễn Văn G khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa chị Quách Thị Kim T và anh Nguyễn Văn G được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị T và anh G có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được xác minh thể hiện vợ chồng chị T và anh G thường xuyên có cãi vã xuất phát từ mâu thuẫn kinh tế dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Quá trình sống ly thân chị T và anh G cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà bỏ mặc nhau. Như vậy T, anh G đã không còn thương yêu, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quách Thị Kim T là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Xác nhận chị Quách Thị Kim T và anh Nguyễn Văn G có 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 10/9/2016 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 30/7/2021. Khi ly hôn chị T nhận trực tiếp nuôi con thứ hai là Nguyễn Minh Đ, còn anh G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng Nguyễn Phương N. Xét điều kiện nuôi con của cả hai bên thấy rằng: Phía chị T có việc làm thu nhập, chỗ ở ổn định, hiện nay chị T đang nuôi 1 con riêng sinh năm 2006 và cháu Đ sinh năm 2021 còn nhỏ là con chung của chị T và anh G, còn phía anh G trước đây đã ly hôn người vợ trước và không có con riêng, anh G có đơn xin xét xử vắng mặt và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, hiện nay cháu N có nguyện vọng ở với bố và trên thực tế cháu N đang ở với bố và ông bà Nội tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Vì quyền lợi mọi mặt của chị T, anh G và con chung, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận giao cháu Nguyễn Minh Đ cho chị Quách Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Phương N cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là có căn cứ, hợp tình, hợp lý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị T chưa có yêu cầu anh G đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung do cả hai đều trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, xét đây là ý kiến tự nguyện của chị T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Quách Thị Kim T khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và việc anh Nguyễn Văn G vắng mặt nên Tòa án không lấy được ý kiến của anh G do đó không có cơ sở xem xét. Trường hợp

sau này có tranh chấp về tài sản chung và có yêu cầu thì sẽ được xem xét bằng vụ việc khác.

[5] *Về nợ chung*: Xác định không có.

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị Kim T về việc xin ly hôn; cho chị Quách Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

2. Về nuôi con: Giao con chung của chị Quách Thị Kim T và anh Nguyễn Văn G là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 30/7/2021 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng sau ly hôn. Giao con chung của chị T và anh G là Nguyễn Phương N, sinh ngày 10/9/2016 cho anh Nguyễn Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng sau ly hôn. Cả hai bên chưa bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, do chị T và anh G mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung. Hai bên có quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung xác nhận không có.

4. Án phí: Chị Quách Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003069 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; chị Quách Thị Kim T đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- UBND xã Y, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; *(Nơi đăng ký kết hôn ngày 22/12/2015)*
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký tên, đóng dấu)

Hà Thị Yến